

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

MỤC LỤC

	Trang
1. Bảng cân đối kế toán	1-4
2. Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	5
3. Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	6-7
4. Thuyết minh Báo cáo Tài chính	8-32

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/04/2015
A-Tài sản ngắn hạn (100=110+120+130+140+150)	100		204.201.348.747	105.138.860.926
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	22.162.350.565	4.953.554.593
1. Tiền	111		16.162.350.565	4.953.554.593
2. Các khoản tương đương tiền	112		6.000.000.000	-
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	224.000.000	224.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		224.000.000	224.000.000
III- Các khoản phải thu	130		101.678.351.431	86.365.686.051
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	56 848 821 057	61.517.748.864
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	23 574 031 627	12.497.816.008
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.05	9 160 852 587	5.504.104.587
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.08	52 233 499 124	47.875.051.011
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(40 138 852 964)	(41.029.034.418)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV- Hàng tồn kho	140	V.06	79.870.874.154	12.788.279.921
1. Hàng tồn kho	141		81 524 571 186	13.432.672.331
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		(1 653 697 032)	(644.392.410)
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		265.772.597	807.340.360
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	192 428 889	221.039.421
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	73 343 708	586.300.939
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/04/2015
B-Tài sản dài hạn (200=210+220+240+250+260)	200		155.457.316.921	144.880.654.972
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II- Tài sản cố định	220		68.133.114.647	70.720.484.505
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.09	48.271.893.825	50.091.597.847
- Nguyên giá	222		65 470 098 358	63.622.050.736
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(17 198 204 533)	(13.530.452.889)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	19.861.220.822	20.628.886.658
- Nguyên giá	228		24 251 431 371	24.251.431.371
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(4 390 210 549)	(3.622.544.713)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III- Bất động sản đầu tư	240		-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV- Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		85.373.100.343	72.170.885.386
1. Đầu tư tư vào công ty con	251	V.02	120 616 100 343	109.194.885.386
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên danh	252	V.02	2 310 000 000	2.310.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.02	3 000 000 000	4.800.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254	V.02	(40 553 000 000)	(44.134.000.000)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
V- Tài sản dài hạn khác	260		1.951.101.931	1.989.285.081
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.07	1 951 101 931	1.989.285.081
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
Tổng cộng tài sản (270=100+200)	270		359.658.665.668	250.019.515.898

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
(Dạng đầy đủ)
Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/03/2016	01/04/2015
A-Nợ phải trả (300=310+330)	300		158.377.333.008	99.482.520.362
I- Nợ ngắn hạn	310		144.178.084.153	91.159.541.247
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.11	56 169 000 973	37.707.276.651
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.12	11 585 275 083	20.976.638.288
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	4 201 385 972	869.774.226
4. Phải trả người lao động	314	V.14	11 846 942 260	4.232.000.000
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	9 782 927 516	6.793.107.678
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	20 735 889 776	3.762.352.862
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.17	25 420 072 044	13.830.792.228
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.18	1 792 161 249	952.062.635
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	2 644 429 280	2.035.536.679
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu chính phủ	324		-	-
II- Nợ dài hạn	330		14.199.248.855	8.322.979.115
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	2 164 500 865	2.518.377.865
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.17	7 299 000 000	5.687.500.000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.18	4 735 747 990	117.101.250
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Dạng đầy đủ)

Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2016 đến 31/03/2016		Lũy kế từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	128.478.950.636	70.985.022.788	320.717.410.695	110.002.152.848
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.01	128.478.950.636	70.985.022.788	320.717.410.695	110.002.152.848
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	98.575.065.610	55.303.286.562	250.116.758.439	88.257.450.568
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		29.903.885.026	15.681.736.226	70.600.652.256	21.744.702.280
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	19.698.135.994	11.379.369.363	25.138.723.890	17.896.188.780
7. Chi phí tài chính	22	VI.04	(496.199.491)	15.703.155.559	3.244.617.802	18.051.256.883
.- Trong đó: Lãi vay phải trả	23			404.311.253		2.739.086.251
8. Chi phí bán hàng	24	VI.05	5.441.689.570	5.994.183.836	19.612.978.656	6.863.746.510
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.06	12.253.361.853	3.841.768.163	19.186.824.277	11.889.880.603
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		32.403.169.088	1.521.998.031	53.694.955.411	2.836.007.064
{30=20+(21-22)-(24+25)}						
11. Thu nhập khác	31	VI.07	56.503.355	513.064.671	102.227.488	975.650.954
12. Chi phí khác	32	VI.08	7	96.213.625	18.136.511	309.803.341
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		56.503.348	416.851.046	84.090.977	665.847.613
14. Tổng lợi nhuận trước thuế (50=30+40)	50		32.459.672.436	1.938.849.077	53.779.046.388	3.501.854.677
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.09	3.790.802.137	-	7.984.774.479	-
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60=50-51-52)	60		28.668.870.299	1.938.849.077	45.794.271.909	3.501.854.677

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng



Trương Thị Phương Dung

TP.HCM, Ngày 28 tháng 4 năm 2016
 Tổng giám đốc (Chữ)



Chiam Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ ngày	Từ ngày
			01/04/2015 đến 31/03/2016	01/04/2014 đến 31/03/2015
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		53.779.046.388	3.501.854.677
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		4.634.020.767	4.512.840.963
- Các khoản dự phòng	03		5.051.509.366	15.865.461.296
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		51.375.608	(111.349.808)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(24.661.088.057)	(18.085.882.610)
- Chi phí lãi vay	06		4.158.304.719	2.739.086.259
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		43.013.168.791	8.422.010.969
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(8.685.259.214)	(37.302.933.915)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(68.091.898.855)	(4.671.615.009)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		34.881.739.836	47.608.160.270
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		66.793.682	252.231.842
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	(2.500.652.885)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(4.011.161.285)	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(3.639.532.574)	1.969.580.426
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		577.704.659	(1.440.650.885)
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(1.467.971.014)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(7.356.415.974)	12.336.130.813
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(2.046.650.909)	(810.057.946)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		2.809.091	697.253.718
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(1.000.000.000)	(1.224.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	5.529.030.500
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(15.184.381.401)	(2.729.922.925)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		10.414.360.000	4.852.048.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		12.793.495.349	7.699.063.933
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		4.979.632.130	14.013.415.280



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG

Địa chỉ : Lầu 4, tòa nhà ITD, Số 1 đường Sáng Tạo, P. Tân Thuận Đông, Quận 7

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Từ ngày 01/04/2015 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

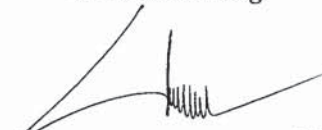
CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Từ ngày 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ ngày 01/04/2014 đến 31/03/2015
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		6.384.800.000	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		90.265.392.003	22.350.432.178
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(77.064.612.187)	(44.642.222.797)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>19.585.579.816</i>	<i>(22.291.790.619)</i>
<i>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</i>	<i>50</i>		<i>17.208.795.972</i>	<i>4.057.755.074</i>
<i>Tiền và tương đương tiền đầu năm</i>	<i>60</i>	<i>V.1</i>	<i>4.953.554.593</i>	<i>893.698.102</i>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	2.101.017
<i>Tiền và tương đương tiền cuối năm</i>	<i>70</i>	<i>V.1</i>	<i>22.162.350.565</i>	<i>4.953.554.593</i>

Người lập biểu



Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

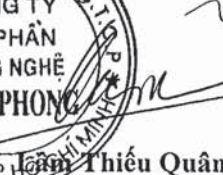


Trương Thị Phương Dung

TP. HCM, ngày 28 tháng 4 năm 2016



Tổng Giám đốc



Lê Văn Thiệu Quân

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn:** Công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh:** Thương mại và dịch vụ
3. **Ngành nghề kinh doanh:**
 - Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ
 - Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê
 - Buôn bán thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông
 - Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng
 - Mua bán hệ thống an ninh, hệ thống báo cháy, báo trộm, giám sát bán hàng
 - Sản xuất và mua bán phần mềm tin học
4. **Nhân viên**
 Tại ngày 31 tháng 03 năm 2016 Công ty có 109 nhân viên đang làm việc
5. **Cấu Trúc Công ty**

Tên Công ty	Hoạt động kinh doanh	Tỷ lệ góp vốn	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (*)	Buôn bán thiết bị điện tử, viễn thông, cho thuê trạm BTS	48,01%	48,01%	51,01%
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	Mua bán các thiết bị điện tử.	69,14%	69,14%	69,14%
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	Mua bán các thiết bị điện tử.	99,92%	99,92%	99,92%
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	Mua bán máy móc, phụ tùng, nguyên vật liệu, kim khí điện máy, máy văn phòng;	71,02%	71,02%	71,02%
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	Mua bán camera quan sát, báo trộm, âm thanh thông báo, thiết bị đo lường công nghiệp, dân dụng; thiết bị điện, điện tử.	98,80%	98,80%	98,80%
Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development	Sản xuất phần mềm tin học; Tư vấn, cài đặt,	100%	100%	100%



CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

(*) Mặc dù tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu ít hơn 50% nhưng Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn cổ phần thực góp trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu là 51,02%. Do vậy Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu bị Công ty kiểm soát và khoản đầu tư vào Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu được trình bày ở khoản mục “Đầu tư vào công ty con” trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty cổ phần định vị Tiên Phong có trụ sở chính tại Số 01 đường Tân Thuận, phường Tân Thuận Đông, quận 7, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là kinh doanh thiết bị định vị. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này lần lượt là 64,92% và 25%.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 04 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán bằng máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	03-05
Phương tiện vận tải, truyền d	03-06
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02-05
Tài sản cố định khác	02

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất (30 năm).

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 - 04 năm.

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

10. Chi phí trả trước dài hạn

Thẻ hội viên chơi golf

Chi phí đã trả được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 44 năm.

Chi phí sửa chữa

Chi phí sửa chữa văn phòng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 2-5 năm

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm và bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc cho người lao động đối với thời gian đã làm việc tại Công ty trước ngày 01 tháng 01 năm 2009. Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là $\frac{1}{2}$ tháng lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

13. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ tại Công ty.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Một khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng làm giảm sút lợi ích kinh tế do việc thanh toán khoản nợ đó đồng thời nghĩa vụ nợ phải trả được ước tính một cách đáng tin cậy. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ. Tỷ lệ chiết khấu được sử dụng là tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh rõ những ước tính trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa có cam kết bảo hành với mức trích lập theo các cam kết với khách hàng.

Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty được ước tính từ 1% đến 4,5 % trên doanh thu các sản phẩm, hàng hóa.

15. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty.

16. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

17. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối năm.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

20. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá

Doanh thu bán hàng hoá được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

Đối tượng	31/03/2016	01/04/2015
Tiền mặt	185.455.067	80.235.582
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn (*)	10.120.971.998	3.127.669.011
Tiền đang chuyển	5.855.923.500	1.745.650.000
Các khoản tương đương tiền	6.000.000.000	-
Cộng	22.162.350.565	4.953.554.593

(*) Trong đó tiền gửi không kỳ hạn có giá trị 2.075.275.000 VND tại ngân hàng TMCP Đầu Tư Phát Triển Việt Nam - CN HCM được phong tỏa để bảo lãnh dự thầu.

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

Khoản tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng. Khoản tiền gửi này đã được cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Đối tượng	31/12/2015	01/04/2015
Gửi tiết kiệm tại BIDV HCM	224.000.000	224.000.000
Cộng	224.000.000	224.000.000

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết

Công ty cổ phần định vị Tiên Phong đã tạm ngừng hoạt động.

Tòa án nhân dân tỉnh Bình Dương đã có Quyết định số 04/2013/QĐ- MTTPS ngày 21 tháng 10 năm 2013 về việc mở thủ tục phá sản đối với Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh.

Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh đã có Thông báo số 144301/15 ngày 22 tháng 5 năm 2015 về việc giải thể Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

Số đầu năm	44.134.000.000
Xử lý dự phòng	(1.800.000.000)
Trích thêm	759.000.000
Hoàn nhập	(2.540.000.000)
Số cuối kỳ	40.553.000.000

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (tiếp theo)

Đối tượng	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng				
Đầu tư vào công ty con	120.616.100.343	(35.243.000.000)	109.194.885.386	(37.024.000.000)	85.373.100.343	109.194.885.386	(37.024.000.000)	72.170.885.386
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (1)	25.107.804.223	-	25.664.811.667	-	25.107.804.223	25.664.811.667	-	25.664.811.667
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (2)	9.266.284.800	-	7.254.960.000	-	9.266.284.800	7.254.960.000	-	7.254.960.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh (3)	9.817.036.601	-	8.193.880.000	-	9.817.036.601	8.193.880.000	-	8.193.880.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (4)	36.565.360.964	(35.243.000.000)	37.221.619.964	(34.484.000.000)	1.322.360.964	37.221.619.964	(34.484.000.000)	2.737.619.964
Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông (5)	10.859.613.755	-	10.859.613.755	-	10.859.613.755	10.859.613.755	(2.540.000.000)	8.319.613.755
Công ty TNHH một thành viên phần mềm Tiên Phong (6)	29.000.000.000	-	20.000.000.000	-	29.000.000.000	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Đầu tư vào công ty liên kết	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	2.310.000.000	(2.310.000.000)	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-	2.310.000.000	(2.310.000.000)	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị k	3.000.000.000	(3.000.000.000)	4.800.000.000	(4.800.000.000)	-	4.800.000.000	(4.800.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Thiết Bị Điện Thạch Anh	3.000.000.000	(3.000.000.000)	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-	3.000.000.000	(3.000.000.000)	-
Công ty Cổ Phần Thái Sơn Tiên Phong	-	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-	1.800.000.000	(1.800.000.000)	-
Cộng	125.926.100.343	(40.553.000.000)	116.304.885.386	(44.134.000.000)	85.373.100.343	116.304.885.386	(44.134.000.000)	72.170.885.386

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

(1) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 135.600 cổ phiếu tương đương 2.549.900.000 VND và bán 500.200 cổ phiếu tương đương 3.106.907.444 VND của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 3.903.949 cổ phiếu, tương đương 48,01% vốn điều lệ của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (số đầu năm là 4.268.549 cổ phiếu, tương đương 48% vốn điều lệ).

Ngoài ra, Công ty được nhận ủy quyền biểu quyết của Công ty cổ phần đầu tư Tánh Linh với tỷ lệ 3,01% vốn thực góp (số đầu năm Công ty được các cá nhân ủy quyền với tỷ lệ là 5,38% vốn thực góp).

(2) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 176.432 cổ phiếu tương đương 2.011.324.800 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 901.928 cổ phiếu, tương đương 71,02% vốn điều lệ của Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến (số đầu năm là 725.496 cổ phiếu, tương đương 57,13% vốn điều lệ).

(3) Trong kỳ Công ty đã mua thêm 159.133 cổ phiếu tương đương 1.623.156.601 VND (giá mua trừ cổ tức nhận được) của Công ty cổ phần tin học Siêu Tính. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 978.521 cổ phiếu, tương đương 98,8% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (số đầu năm là 819.388 cổ phiếu, tương đương 82,74% vốn điều lệ).

(4) Trong kỳ Công ty điều chỉnh giảm giá trị đầu tư tương ứng với số cổ tức được chia cho giai đoạn trước ngày đầu tư là 656.259.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh (số đầu năm là 4.871.358 cổ phiếu, tương đương 69,14% vốn điều lệ).

(5) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ của Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông (số đầu năm là 1.288.997 cổ phiếu, tương đương 99,92% vốn điều lệ).

(6) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 305815769 ngày 20 tháng 6 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong 20.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

(7) Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty cổ phần định vị Tiên Phong này lần lượt là 64,92% và 25% (tỷ lệ vốn góp và tỷ lệ quyền biểu quyết số đầu năm lần lượt là 64,92% và 25%).

(8) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3113577878 ngày 15 tháng 12 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development 9.000.000.000 VND, tương đương 100% vốn điều lệ.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	31/03/2016	01/04/2015
Phải thu các bên liên quan	2.253.525.433	2.229.646.358
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu	735.633.980	650.488.190
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	927.214.310	439.892.838
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong	211.161.685	211.161.685
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	-	568.862.918
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem	171.552.671	79.217.271
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	107.655.874	114.613.752
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development	17.094.973	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	73.764.887	38.033.544
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	9.447.053	32.588.579
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	-	94.787.581
Phải thu các khách hàng khác	54.595.295.624	59.288.102.506
LIÊN DANH TOSHIBA-HITACHI-ITOCHE	25.380.126.257	-
Tổng cục hải quan	-	9.688.406.160
Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam	9.125.140.300	6.952.142.000
Công ty cổ phần Tasco	66.000.000	23.299.654.524
Công ty cổ phần tập đoàn Đức Long Gia Lai	7.050.000.000	-
Liên doanh Taisei - Vinaconex	643.303.375	8.106.734.155
CN Công ty TNHH Trùng Phương tại Quận Hải Châu	2.921.897.020	-
Các khách hàng khác	9.408.828.672	11.241.165.667
Cộng	56.848.821.057	61.517.748.864

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn	31/03/2016	01/04/2015
Trả trước cho người bán khác	23.574.031.627	12.497.816.008
Mitsubishi Heavy Industries, Ltd.	5.877.305.680	8.250.703.440
Công ty cổ phần Đầu Tư Hoàng Đạo	13.594.064.526	-
Nhà cung cấp khác	4.102.661.421	4.247.112.568
Cộng	23.574.031.627	12.497.816.008

5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	31/03/2016	01/04/2015
Phải thu các bên liên quan	31/03/2016	01/04/2015
Công ty CP Định Vị Tiên Phong (1)	300.000.000	300.000.000
Công ty CP Thiết bị Điện Thạch Anh (2)	4.704.104.587	4.704.104.587
Công ty CP Thái Sơn Tiên Phong	-	500.000.000
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	4.156.748.000	-
Cộng	9.160.852.587	5.504.104.587

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã lập dự phòng toàn bộ các khoản cho vay (1)+(2) và tạm ngừng tính lãi vay.

6. Hàng tồn kho	31/03/2016		01/04/2015	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang.	74.315.145.718	-	9.799.918.975	-
Hàng hóa	7.209.425.468	1.653.697.032	3.632.753.356	644.392.410
Cộng	81.524.571.186	1.653.697.032	13.432.672.331	644.392.410

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Giá trị hàng hóa tồn kho chậm tiêu thụ tiêu thụ hoặc khó có thể thanh lý để thu hồi giá trị cuối kỳ là 1.653.697.032 VND (số đầu năm là 1.260.497.190 VND).

7. Chi phí trả trước ngắn hạn/dài hạn	31/03/2016	01/04/2015
7a. Chi phí trả trước ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ	157.165.021	29.916.828
Chi phí thuê văn phòng, nhà xưởng	-	180.711.318
Chi phí khác	35.263.868	10.411.275
Cộng	192.428.889	221.039.421
7b. Chi phí trả trước dài hạn		
Chi phí hội viên câu lạc bộ golf	713.359.598	737.271.095
Chi phí sửa chữa	791.384.047	1.101.588.120
Công cụ, dụng cụ	446.358.286	150.425.866
Cộng	1.951.101.931	1.989.285.081

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

Phải thu ngắn hạn khác	31/03/2016		01/04/2015	
	Giá Gốc	Dự phòng	Giá Gốc	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	48.462.009.805	34.467.230.390	46.310.174.220	34.861.765.390
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - cổ tức		-	2.176.488.000	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - khác	44.864.443	-	153.568.105	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - cổ tức	-	-	4.268.549.000	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	279.782.378	-	198.968.325	-
Công ty TNHH liên doanh Global sitem - khác	35.349.082	-	-	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cổ tức	800.000.000	-	740.000.000	-
Công ty TNHH MTV phần mềm Tiên Phong - cho mượn	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000	9.940.500.000
Công ty cổ phần định vị Tiên Phong - cho mượn, lãi vay	391.951.500	389.951.500	389.951.500	389.951.500
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - Lãi vay	636.778.958	636.778.958	636.778.958	636.778.958
Công ty cổ phần thiết bị điện Thạch Anh - cho mượn	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932	19.999.999.932
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cổ tức	2.435.679.000	-	1.779.420.000	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Cho mượn	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000	3.500.000.000
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Cổ tức	-	-	2.048.470.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Khác	84.747.812	-	82.945.400	-
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong - Lãi	-	-	394.535.000	394.535.000
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Cổ tức	10.300.000.000	-	-	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Khác	12.356.700	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	3.771.489.319	-	1.564.876.791	-
Ký cược, ký quỹ	1.663.627.626	-	1.153.996.092	-
Phải thu bảo hiểm xã hội	-	-	5.136.025	-
Tạm ứng	546.354.299	-	187.162.210	-
Phải thu khác	1.561.507.394	-	218.582.464	-
Cộng	52.233.499.124	34.467.230.390	47.875.051.011	34.861.765.390

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

9. Tài sản cố định hữu hình

Đối tượng	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	44.587.188.572	17.382.379.854	810.057.946	842.424.364	63.622.050.736
Mua mới			1.919.578.182	127.072.727	2.046.650.909
Thanh lý TSCĐ	-	-	-	(198.603.287)	(198.603.287)
Số cuối năm	44.587.188.572	17.382.379.854	2.729.636.128	770.893.804	65.470.098.358
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	5.449.545.288	7.282.502.476	20.492.538	777.912.587	13.530.452.889
Khấu hao trong năm	1.486.239.624	2.018.158.404	290.197.542	71.759.361	3.866.354.931
Giảm khấu hao do thanh lý	-	-	-	(198.603.287)	(198.603.287)
Số cuối năm	6.935.784.912	9.300.660.880	310.690.080	651.068.661	17.198.204.533
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	39.137.643.284	10.099.877.378	789.565.408	64.511.777	50.091.597.847
Số cuối năm	37.651.403.660	8.081.718.974	2.418.946.048	119.825.143	48.271.893.825

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

10. Tài sản cố định vô hình

Đối tượng	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Số cuối kỳ	24.053.529.245	197.902.126	24.251.431.371
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	3.424.642.587	197.902.126	3.622.544.713
Khấu hao trong kỳ	767.665.836	-	767.665.836
Số cuối kỳ	4.192.308.423	197.902.126	4.390.210.549
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	20.628.886.658	-	20.628.886.658
Số cuối kỳ	19.861.220.822	-	19.861.220.822

11. Phải trả người bán ngắn hạn

11a. Phải trả người bán ngắn hạn	31/03/2016	01/04/2015
Phải trả các bên liên quan	20.034.357.747	17.336.717.956
Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong	9.163.023.059	16.931.933.288
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	23.538.900	36.012.350
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	93.381.569	108.108.404
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến	106.398.264	20.009.214
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	-	11.861.300
Công ty TNHH MTV INNOVATIVE SOFTWARE DEVELOPMENT	6.305.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	4.343.015.955	228.793.400
Phải trả các nhà cung cấp khác	36.134.643.226	20.370.558.695
OPTITECH PTE LTD	5.391.273.180	12.872.305.912
Công ty CP TM Hàng Hóa Quốc Tế IPC	13.253.871.750	-
INNOVATIVE TECHNOLOGY DEVELOPMENT INC	4.165.795.885	-
Công ty CP Tư vấn Quản trị Công nghệ Quốc tế	8.784.594.300	-
Các nhà cung cấp khác	4.539.108.111	7.498.252.783
Cộng	56.169.000.973	37.707.276.651

12. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/03/2016	01/04/2015
Trả trước của các bên liên quan	328.939.727	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính	328.939.727	-
Trả trước của các khách hàng khác	11.256.335.356	20.976.638.288
Liên danh Toshiba- Hitachi- Itochu	-	17.683.296.815
Công ty TNHH BOT & BT QL20	4 155 000 000	-
Công ty Cổ phần 715	2.000.000.000	-
Các khách hàng khác	5 101 335 356	3.293.341.473
Cộng	11.585.275.083	20.976.638.288

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<i>Đơn vị tính: VND</i>					
	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	863.757.728	-	665.884.162	(1.187.016.214)	342.625.676	-
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	6 792 101 955	(6.815.715.594)	-	(23.613.639)
Thuế xuất, nhập khẩu	-	(31.861.171)	692.407.303	(710.276.201)	-	(49.730.069)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(554.439.768)	7.984.774.479	(3.639.532.574)	3.790.802.137	-
Thuế thu nhập cá nhân	6.016.498	-	1.035.364.906	(973.423.245)	67.958.159	-
Thuế môn bài	-	-	3.000.000	-	-	-
Cộng	869.774.226	(586.300.939)	17.173.532.805	(13.322.963.828)	4.201.385.972	(73.343.708)

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Cung cấp phần mềm
- Cung cấp hàng hóa, dịch vụ cho khu phi thuế quan
- Hàng hóa, dịch vụ

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông giảm từ 22% xuống còn 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Không chịu thuế
0%
10%

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

14. Phải trả người lao động

Lương, thưởng phải trả nhân viên.

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/03/2016	01/04/2015
Chi phí thi công cho công trình	9.582.107.516	6.533.228.400
Chi phí lãi vay	-	118.379.278
Chi phí khác	200.820.000	141.500.000
Cộng	9.782.927.516	6.793.107.678

16. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác

16a. Phải trả ngắn hạn khác

	31/03/2016	01/04/2015
Phải trả các bên liên quan	17.015.483.024	120.054.166
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - phải trả dịch vụ tiện ích	2.829.200	-
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Lãi vay	109.151.944	51.006.944
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - khác	2.170.300	-
Công ty TNHH MTV kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - Cho mượn	3.600.000.000	-
Công ty TNHH MTV Innovative Software Development - Cho mượn	13.000.000.000	-
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Lãi vay	225.676.667	69.047.222
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - khác	26.070.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả dịch vụ tiện ích	49.584.913	-
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	3.720.406.752	3.642.298.696
Nguyễn Thị Thu Sương_ Tiền mượn	6.416.667	3.609.959
Phạm Thị Bích Thảo_ Tiền mượn	-	3.320.000.000
Công ty Cổ Phần Việt Vương	1.082.478.000	-
Công ty CP Máy & Thiết Bị Dầu Khí	1.356.912.628	-
Phải trả khác	1.274.599.457	318.688.737
Cộng	20.735.889.776	3.762.352.862

16b. Phải trả dài hạn khác

	31/03/2016	01/04/2015
Phải trả các bên liên quan	1.052.562.665	1.052.562.665
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	236.318.500	236.318.500
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	302.645.460	302.645.460
Công ty TNHH liên doanh Global Sitem - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	84.967.785	84.967.785
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	165.241.240	165.241.240
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	128.152.320	128.152.320
Công ty cổ phần tin học Siêu Tính - Phải trả tiền nhận ký quỹ, ký cược	135.237.360	135.237.360
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	1.111.938.200	1.465.815.200
Nhận ký quỹ, ký cược	1.111.938.200	1.465.815.200
Cộng	2.164.500.865	2.518.377.865

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

17. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn/dài hạn

17a. Vay ngắn hạn	31/03/2016		01/04/2015	
	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ	Giá Trị	Số có khả năng trả nợ
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan (1)</i>	11.000.000.000	11.000.000.000	6.000.000.000	6.000.000.000
Công ty cổ phần công nghệ Tín Thông	5.000.000.000	5.000.000.000	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu	6.000.000.000	6.000.000.000	-	-
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	11.920.072.044	11.920.072.044	7.830.792.228	7.830.792.228
Vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (2)	11.920.072.044	11.920.072.044	7.830.792.228	7.830.792.228
Vay cá nhân khác	2.500.000.000	2.500.000.000		
Cộng	25.420.072.044	25.420.072.044	13.830.792.228	13.830.792.228

(1) Khoản vay các công ty con để bổ sung vốn lưu động với lãi suất 8% đến 9,5%/ năm.

(2) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động với lãi suất tại thời điểm nhận nợ, thời hạn vay 06 tháng. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và thế chấp 1.000.000 cổ phiếu niêm yết của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu (xem thuyết minh số V2b).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	7.830.792.228	57.265.392.003	(53.176.112.187)	11.920.072.044
Vay ngắn hạn các tổ chức khác	6.000.000.000	25.500.000.000	(18.000.000.000)	13.500.000.000
Cộng	13.830.792.228	82.765.392.003	(71.176.112.187)	25.420.072.044

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

17b. Vay dài hạn

Khoản vay Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để thanh toán xây dựng trụ sở và bổ sung vốn lưu động với lãi suất 10%/năm, thời hạn vay 02 năm. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu Công ty cổ phần tin học Siêu Tính (xem thuyết minh số V2b). Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn như sau:

Số đầu năm	5.687.500.000
Số tiền vay phát sinh	7.500.000.000
Số tiền vay đã trả	(5.888.500.000)
Số cuối kỳ	7.299.000.000

17c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

18. Dự phòng phải trả ngắn hạn/dài hạn

18a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến sản phẩm, hàng hóa. Chi tiết phát sinh như sau:

Số đầu năm	952.062.635
Tăng do trích lập trong kỳ	1.325.253.371
Số sử dụng trong kỳ	(485.154.757)
Số cuối kỳ	1.792.161.249

18b. Dự phòng phải trả dài hạn

	Số đầu năm	Tăng do trích lập trong kỳ	Số cuối kỳ
Dự phòng bảo hành sản phẩm, hàng hoá	-	4.605.902.157	4.605.902.157
Dự phòng trợ cấp thôi việc	117.101.250	12.744.583	129.845.833
Cộng	117.101.250	4.618.646.740	4.735.747.990

19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

Số đầu năm	2.035.536.679
Nhận từ các Công ty con	1.608.375.830
Trích lập trong kỳ	487.009.285
Chi quỹ trong kỳ	(1.486.492.514)
Số cuối kỳ	2.644.429.280

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIÊN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

Đơn vị tính: VND

20. Vốn chủ sở hữu

20.a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đối tượng	Vốn đầu cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ Đầu tư phát triển	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	19.710.096.112	147.825.140.859
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	3.501.854.677	3.501.854.677
Trích lập các quỹ	-	-	175.000.000	(965.000.000)	(790.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Số dư đầu năm nay	127.711.950.000	(15.680.000)	593.774.747	22.246.950.789	150.536.995.536
Phát hành cổ phiếu chia cổ tức	19.153.010.000	-	-	(19.153.010.000)	-
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	45.794.271.909	45.794.271.909
Phát hành cổ phiếu thu tiền	6.384.800.000	-	-	-	6.384.800.000
Chuyển quỹ đầu tư phát triển	-	-	(593.774.747)	593.774.747	-
Trích lập các quỹ	-	-	-	(1.434.734.785)	(1.434.734.785)
Số dư, ngày 31/12/2015	153.249.760.000	(15.680.000)	-	48.047.252.660	201.281.332.660

Trong kỳ, Công ty đã phát hành cổ phiếu thường cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng), nguồn phát hành từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo Báo cáo tài chính của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2015 đã được kiểm toán theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 và Báo cáo kết quả phát hành cổ phiếu số 53/TGD/2015 ngày 18 tháng 9 năm 2015. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và ghi giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 19.153.010.000 VND.

Ngoài ra, Công ty phát hành 638.480 cổ phiếu cho cán bộ công nhân viên, theo danh sách Đại hội cổ đông ủy quyền Hội đồng quản trị lựa chọn với giá bán 10.000 VND/cổ phiếu.

Ngày 02 tháng 11 năm 2015, Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 25 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.Hồ Chí Minh cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 153.249.760.000 VND.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/01/2016 đến 31/03/2016

	31/03/2016	01/04/2015
20 b. Cổ phiếu		
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.324.976	12.771.195
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.324.976	12.771.195
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	1.568	1.568
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.323.408	12.769.627
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

20 c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).

21. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

21a. Ngoại tệ các loại	31/03/2016	01/04/2015
Dollar Mỹ (USD)	5.118,73	7.236,98
Euro (EUR)	62,83	14,57

21b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu và đầu tư góp vốn Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong đã được xóa sổ do công ty này đã giải thể, cụ thể như sau:

	31/03/2016	01/04/2015
Phải thu tiền bán hàng	94.787.581	-
Tiền cho vay	500.000.000	-
Lãi cho vay	394.535.000	-
Đầu tư góp vốn	1.800.000.000	-
Cộng	2.789.322.581	-

21c. Phân phối lợi nhuận

Đại hội cổ đông thường niên năm 2015 ngày 29 tháng 6 năm 2015 của Công ty đã quyết định chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu bằng cổ phiếu với tỷ lệ 100:15 (cổ đông sở hữu 100 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 15 cổ phiếu thưởng).

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
<i>Ia. Tổng doanh thu</i>	128.478.950.636,00	70.985.022.788,00	320.717.410.695	110.002.152.848
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	123.093.294.535	62.408.890.585	294.751.830.460	88.951.947.631
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	5.385.656.101	8.576.132.203	25.965.580.235	21.050.205.217
Doanh thu thuần	128.478.950.636	70.985.022.788	320.717.410.695	110.002.152.848

Ib. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Ngoài các giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với các công ty con và công ty liên kết được trình bày ở thuyết minh số V.2c, Công ty chỉ phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ với Công ty TNHH liên doanh Global Sitem với số tiền là 760.562.287 VND (cùng kỳ năm trước là 624.311.984 VND).

2. Giá vốn hàng bán

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Giá vốn hàng hóa đã cung cấp	89.640.476.397	51.677.482.674	207.269.144.863	74.345.148.090
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	7.925.284.591	3.625.803.888	41.838.308.954	13.296.197.698
Dự phòng/(Hoàn nhập) giảm giá hàng tồn kho	1.009.304.622	-	1.009.304.622	616.104.780
Cộng	98.575.065.610	55.303.286.562	250.116.758.439	88.257.450.568

3. Doanh thu hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	16.235.467	2.572.267	19.632.178	-
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	147.199.709	9.010.434	254.270.857	19.747.406
Lãi tiền cho vay	56.019.750	-	57.803.621	97.887.605
Cổ tức, lợi nhuận được chia	15.336.213.000	9.233.507.000	17.279.687.500	15.401.788.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	127.083.780	219.877.178	142.543.814
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	123.877.320	-	111.349.608
Lãi thanh lý các khoản đầu tư	4.142.468.068	1.868.279.512	7.307.452.556	2.107.127.512
Khác	-	15.039.050	-	15.744.035
Cộng	19.698.135.994	11.379.369.363	25.138.723.890	17.896.188.780

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

4. Chi phí hoạt động tài chính

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Chi phí lãi vay	1.141.300.889	404.311.253	4.158.304.719	2.739.086.251
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	134.995.700	62.451.211	847.866.693	75.777.537
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.781.000.000)	4.456.000.000	(1.781.000.000)	4.456.000.000
Dự phòng các khoản nợ gốc và lãi cho vay	-	10.776.353.295	-	10.776.353.295
Các khoản chi phí khác	8.503.920	4.039.800	19.446.390	4.039.800
Cộng	(496.199.491)	15.703.155.559	3.244.617.802	18.051.256.883

5. Chi phí bán hàng

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Chi phí cho nhân viên	3.712.455.596	5.499.025.296	15.655.036.963	6.145.790.219
Chi phí đồ dùng văn phòng	91.020.842	33.709.407	324.420.321	56.903.171
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.448.913	-	19.823.916	-
Chi phí bảo hành	124.874.895	2.864.545	124.874.895	2.864.545
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.085.276.282	210.317.506	2.722.456.953	399.541.882
Chi phí dự phòng phải thu	-	(41.651.784)	-	(41.651.784)
Chi phí khác	426.613.042	289.918.866	766.365.608	300.298.477
Cộng	5.441.689.570	5.994.183.836	19.612.978.656	6.863.746.510

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Chi phí cho nhân viên	11.778.224.950	2.171.382.478	16.906.225.048	5.812.673.461
Chi phí đồ dùng văn phòng	35.444.216	45.094.175	129.016.821	136.123.026
Chi phí khấu hao tài sản cố định	102.830.044	36.602.541	298.541.942	204.373.772
Chi phí dự phòng	123.600.710	87.560.081	123.600.710,00	87.560.081
Chi phí dịch vụ mua ngoài	163.777.401	1.335.485.936	1.441.044.501	5.417.176.335
Chi phí khác	49.484.532	165.642.952	288.395.255	231.973.928
Cộng	12.253.361.853	3.841.768.163	19.186.824.277	11.889.880.603

7. Thu nhập khác

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định, CCDC	-	437.727.273	5.272.727	697.751.817
Hoàn nhập dự phòng	-	-	-	43.800.579
Thu khác	56.503.355	75.337.398	153.438.111	234.098.558
Cộng	56.503.355	513.064.671	158.710.838	975.650.954

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHƯƠNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

8. Chi phí khác

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	6.478.022	-	218.175.024
Chi phí khác	7	89.735.603	18.136.511	91.628.317
Cộng	7	96.213.625	18.136.511	309.803.341

9. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với mức thuế suất 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

10. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về “Lãi trên cổ phiếu” yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

Đối tượng	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Từ 01/04/2015 đến 31/03/2016	Từ 01/04/2014 đến 31/03/2015
Chi phí hàng hóa xuất bán	76.931.934.130	50.374.492.656	239.640.063.850	59.790.966.435
Chi phí nhân công	15.659.837.067	7.821.453.774	33.915.907.656	12.683.197.680
Thiết bị văn phòng và VPP	126.465.058	78.803.582	126.465.058	878.148.153
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.185.991.565	36.602.541	4.634.020.767	4.512.840.963
Chi phí dịch vụ mua ngoài	26.152.982.158	2.447.812.034	72.802.185.791	29.926.027.340
Chi phí khác	1.733.877.801	504.334.660	2.312.541.090	1.533.825.590
Cộng	121.791.087.779	61.263.499.247	353.431.184.212	109.325.006.161

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Tổng Giám đốc, Giám đốc tài chính, kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt từ ngày 1/04/2015 đến 31/03/2016 là 2.737.500.000 VND (cùng kỳ năm trước là 2.062.962.925 VND).

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu - Công ty con		
Mua hàng	2.815.380.930	642.737.680
Cho thuê kho, thuê văn phòng	1.674.488.282	2.091.194.592
Phí nhượng quyền	1.536.131.000	1.407.955.000
Lãi đi vay	1.634.567.221	216.726.766
Bán hàng hóa dịch vụ	221.727.000	-
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	285.608.000	-
Đi vay	13.500.000.000	8.550.000.000
Nhận cổ tức	5.728.723.500	8.674.298.000
Phải thu chi phí chia sẻ	178.301.732	-
Phải trả chi phí chia sẻ	11.426.000	-
Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh - Công ty con		
Mua hàng hoá và dịch vụ	330.604.960	23.889.800
Cho thuê kho, thuê văn phòng	874.181.340	1.157.776.554
Nhận cổ tức	397.832.500	2.867.858.000
Phí nhượng quyền	-	649.146.437
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	12.133.098	-
Phải thu chi phí chia sẻ	306.464.966	-
Phải trả chi phí chia sẻ	151.955.381	-
Công ty cổ phần công nghệ tự động Tân Tiến - Công ty con		
Phí nhượng quyền	870.343.728	876.552.249
Nhận cổ tức	980.260.000	3.119.632.800
Quỹ phúc lợi chuyển về Công ty mẹ	108.453.291	-
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	1.593.079.922	1.543.599.489
Mua hàng hoá	416.665.328	18.518.400
Phải thu chi phí chia sẻ	34.156.076	-
Phải trả chi phí chia sẻ	25.842.000	-
Cho vay	4.156.748.000	-
Lãi cho vay	56.019.750	-
Công ty cổ phần cơ điện Thạch Anh - công ty con		
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	417.120.100	395.866.208
Lãi cho vay	-	95.315.338
Vay	-	3.000.000.000
Nhận cổ tức	656.259.000	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	125.114.236	39.587.132
Lãi đi vay	157.145.833	38.791.667
Phải thu chi phí chia sẻ	74.851.373	-

CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

Công ty cổ phần công nghệ Tin Thông - công ty con

Bán hàng hoá và dịch vụ	94.750.000	-
Phải thu chi phí chia sẻ	16.916.335	-
Mua hàng hoá và dịch vụ	18.507.182.036	218.760.000
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	157.653.046	478.468.681
Lãi đi vay	590.130.000	140.882.779
Đi vay	10.500.000.000	3.000.000.000

Công ty TNHH một thành viên kỹ thuật công nghệ Tiên Phong - công ty con

Bán hàng hóa dịch vụ	80.000.000	-
Cho Thuê kho, thuê văn phòng	320.250.524	1.659.758.204
Nhận cổ tức	800.000.000	740.000.000
Phí nhượng quyền	-	66.954.797
Mua hàng hoá và dịch vụ	6.997.200.000	30.080.129.227
Mượn tiền	3.720.000.000	-

Công ty TNHH một thành viên Innovative Software Development - công ty con

Cho thuê kho, thuê văn phòng	15.540.885	-
Nhận cổ tức	10.300.000.000	-
Đi mượn	13.000.000.000	-

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được sử dụng để cầm cố, thế chấp

Công ty đã dùng 1.000.000 cổ phiếu của Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu để đảm bảo cho khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần đầu tư và phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

Ngoài ra, Công ty còn dùng 725.496 cổ phiếu của Công ty cổ phần công nghệ Tân Tiến và 819.388 cổ phiếu của Công ty cổ phần tin học Siêu Tinh để đảm bảo cho khoản vay tại Công ty cổ phần kỹ thuật điện Toàn Cầu.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Công ty cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ cho các thị trường khác nhau.

2a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Cơ cấu doanh thu, lãi gộp theo lĩnh vực kinh doanh từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

Lĩnh vực	Doanh thu	Giá vốn	Lãi gộp
Viễn thông - tin học	11.356.503.895	9.448.381.561	1.908.122.334
Hạ tầng - Giao thông	289.036.226.832	226.468.013.061	62.568.213.771
Điện - Điện Công Nghiệp	8.609.366.179	6.911.995.608	1.697.370.571
Lĩnh vực khác	11.715.313.789	7.288.368.209	4.426.945.580
Tổng cộng	320.717.410.695	250.116.758.439	70.600.652.256

CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP TIỀN PHONG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho kỳ kế toán từ 01/04/2015 đến 31/03/2016

2b. Thông tin về khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

3. Giải trình chênh lệch lợi nhuận

Chỉ tiêu	Từ 01/01/2016 đến 31/03/2016	Từ 01/01/2015 đến 31/03/2015	Chênh lệch	So sánh
Tổng doanh thu	128.478.950.636	70.985.022.788	57.493.927.848	81%
Lợi nhuận gộp	29.903.885.026	15.681.736.226	14.222.148.800	91%
Doanh thu tài chính	19.698.135.994	11.379.369.363	8.318.766.631	73%
Chi phí tài chính	(496.199.491)	15.703.155.559	(16.199.355.050)	-103%
Tổng lợi nhuận sau thuế	28.668.870.299	1.938.849.077	26.730.021.222	-1379%

Tổng doanh thu so với cùng kỳ năm trước tăng 81% do một số dự án của công ty đã hoàn tất trong kỳ này, dẫn đến lãi gộp tăng 91%. Bên cạnh đó doanh thu hoạt động tài chính tăng 73% chủ yếu là do cổ tức các công con chuyển trong khi đó chi phí tài chính giảm 103% do hoàn nhập khoản dự phòng đầu tư tài chính, giảm chi phí lãi vay. Chính vì nguyên nhân chủ yếu trên mà dẫn đến kết quả lợi nhuận sau thuế kỳ này tăng 1.379% so với cùng kỳ năm trước.

3. Số liệu so sánh

3a. Áp dụng quy định kế toán mới

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, từ ngày 01 tháng 04 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh theo quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này.

3b. Ảnh hưởng của việc áp dụng quy định kế toán mới

Việc áp dụng quy định kế toán mới không ảnh hưởng trọng yếu đến số liệu so sánh trên Báo cáo tài chính.

Người lập biểu

Phạm Thị Bích Thảo

Kế toán trưởng

Trương Thị Phương Dung

